



QUY HOẠCH ĐÀO TẠO NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG NHU CẦU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH BÌNH THUẬN ĐẾN NĂM 2020

• ThS. NGUYỄN PHAN HÙNG

Trường Cao Đẳng Sư Phạm Bình Thuận

1. Thực trạng cơ cấu kinh tế và đào tạo nhân lực tại Bình Thuận

Bình Thuận là một tỉnh ven biển miền Trung tiếp giáp với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đầu mối giao lưu với các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung bộ, với nguồn lao động dồi dào, có nguồn tài nguyên nông, lâm, thủy sản, dầu khí..., có cơ hội tiếp thu các

thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, phát triển nguồn lực con người phục vụ việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, các tiềm năng đó chưa được khai thác có hiệu quả, chưa phát huy hết lợi thế so sánh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm (Xem bảng 1).

Về cơ bản, nền kinh tế Bình Thuận hiện vẫn là nền kinh tế nông nghiệp với trình độ phát triển tương đối thấp, tỉ trọng khu vực công nghiệp- xây dựng và dịch vụ mới đạt khoảng 69,3% (cả nước là 79,1% - năm 2005). Sự chuyển dịch cơ cấu lao động còn diễn ra chậm chạp hơn so với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chưa phù hợp với yêu

Bảng 1 : Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu	Đơn vị: %		
	1995	2000	2005
1. Nông - Lâm - Ngư nghiệp	51,50	42,00	30,69
2. Công nghiệp - xây dựng	19,83	22,70	32,07
3. Dịch vụ	28,67	35,30	37,24

Nguồn : Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020

Bảng 2 : Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế

	Đơn vị: %		
	1996	2000	2005
1. Nông -lâm -ngư	67,97	68,30	64,87
2.Công nghiệp -xây dựng	9,20	10,94	10,97
3.Dịch vụ	22,83	20,76	24,16

Nguồn : Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020

cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Xem bảng 2).

Trình độ học vấn của lực lượng lao động thường xuyên còn thấp, trình độ chuyên môn kĩ thuật còn nhiều bất cập (Xem bảng 3).

Như vậy, trình độ học vấn của lực lượng lao động thường xuyên phát triển theo xu hướng tăng lên từ nhóm chưa biết chữ đến nhóm đã tốt nghiệp tiểu học, sau đó giảm dần từ nhóm đã tốt nghiệp THCS đến nhóm tốt nghiệp THPT. Có sự cách biệt khá lớn về trình độ học vấn giữa lao động nông thôn và lao động thành thị: tỉ

Bảng 3: Trình độ học vấn của lực lượng lao động thường xuyên

Lực lượng lao động thường xuyên	ĐVT: người					
	Chung	Tỉ lệ	Thành thị	Tỉ lệ	Nông thôn	Tỉ lệ
Chưa biết chữ	24.828	4,52%	5.472	3,06%	19.356	5,23%
Chưa tốt nghiệp tiểu học	146.978	26,76%	41.368	23,26%	105.340	28,45%
Tốt nghiệp tiểu học	226.516	41,24%	69.395	38,77%	157.121	42,43%
Tốt nghiệp trung học cơ sở	91.868	16,73%	32.562	18,19%	59.306	16,12%
Tốt nghiệp trung học phổ thông	59.041	10,75%	29.906	16,71%	29.135	7,87%

Nguồn : Cục Thống Kê Tỉnh Bình Thuận, năm 2004

Bảng 4: Trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động thường xuyên

ĐVT: người

LLLĐTX	Chung	Tỉ lệ	Thành thị	Tỉ lệ	Nông thôn	Tỉ lệ
Chưa qua đào tạo	472.419	86,01%	139.433	77,91%	332.986	89,93%
Đã qua đào tạo không bằng	27.899	5,08%	14.295	7,99%	13.604	3,67%
Sơ cấp hoặc chứng chỉ nghề	10.454	1,90%	5.324	2,97%	5.130	1,39%
Công nhân Kĩ thuật	4.299	0,78%	2.934	1,64%	1.365	0,37%
Trung học chuyên nghiệp	18.557	3,38%	8.223	4,59%	10.334	2,79%
Cao đẳng	5.013	0,91%	1.993	1,11%	3.020	0,82%
Đại học trở lên	10.590	1,93%	6.771	3,79%	3.819	1,03%

Nguồn : Cục Thống Kê Tỉnh Bình Thuận, năm 2004

lệ không biết chữ ở khu vực nông thôn cao gấp 3,5 lần khu vực thành thị, tỉ lệ chưa tốt nghiệp tiểu học ở khu vực nông thôn gấp 2,5 lần so với khu vực thành thị.

Lực lượng lao động thường xuyên về cơ cấu trình độ đạt tỉ lệ 1 ĐH, CĐ/ 1,18 THCN/2,73 CNK (Xem bảng 4). Tuy nhiên, số chưa qua đào tạo vẫn còn chiếm tỉ lệ cao, trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động thường xuyên ở khu vực nông thôn vẫn còn ở mức quá thấp so với khu vực thành thị. Tỉ lệ lực lượng lao động thường xuyên ở khu vực nông thôn đã qua đào tạo chỉ chiếm 10,07%, trong khi lực lượng lao động thường xuyên ở khu vực thành thị chiếm 22,09% (gấp đôi so với khu vực nông thôn). Nếu không có hệ thống chính sách và giải pháp hỗ trợ đồng bộ, có hiệu quả để tạo sự đột biến trong đào tạo nghề, Bình Thuận sẽ không thoát khỏi sự thiếu hụt nghiêm trọng về nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mất đi khả năng cạnh tranh về nguồn nhân lực trong điều kiện thị trường lao động phát triển.

2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020

2.1. Về kinh tế

- Đẩy nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân cả nước, tốc độ tăng GDP thời kì 2006-

2010 khoảng 13,0-13,5%, thời kì 2011-2015 khoảng 12,5-13,0% và thời kì 2016-2020 khoảng 12%. GDP/người năm 2020 tăng khoảng 1,73 lần so với năm 2005 và năm 2015 tăng khoảng 1,68 lần, năm 2020 tăng khoảng 2,82 lần so với năm 2010.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tỉ trọng GDP khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 32,1% năm 2005 lên 39,9% năm 2010 và 45,0% năm 2020; của khu vực dịch vụ sẽ là 37,2%, 39,6% và 46,9%; GDP khu vực nông nghiệp giảm dần từ 30,7% hiện nay xuống còn 20,5% năm 2010 và 8,1% năm 2020.

2.2. Về xã hội

- Hàng năm giải quyết việc làm cho 20.000-22.000 lao động, tăng tỉ lệ sử dụng thời gian lao

Bảng 5 : Dự báo chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Đơn vị: %

	2010	2020
Cơ cấu	100.0	100.0
1. Nông - Lâm - Ngư nghiệp	20,49	8,09
2. Công nghiệp - xây dựng	39,91	45,02
3. Dịch vụ	39,6	46,9

Nguồn : Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020

Bảng 6: Dự báo chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động theo ngành

Đơn vị: %

	2010	2020
Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành (%)	100.0	100.0
1. Nông - Lâm - Ngư nghiệp.	40.0	20.0
2. Công nghiệp - xây dựng	20.0	30.0
3. Dịch vụ	40.0	50.0

Nguồn: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020

đông nông thôn lên 78-80%, giảm tỉ lệ lao động thất nghiệp khu vực đô thị còn khoảng dưới 5% năm 2010 và dưới 4% năm 2020.

- Thu nhập tăng 1,8-2,0 lần, giảm tỉ lệ nghèo còn 5-7% năm 2010, đến năm 2020 cơ bản không còn tình trạng nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi năm 2008 và phổ cập trung học cơ sở trước năm 2007 và phổ cập trung học phổ thông trước năm 2015. Nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 30-35% năm 2010 và khoảng 55-60% năm 2020.

3. Các giải pháp

3.1. Sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học theo hướng phục vụ nhân lực của các ngành công nghiệp và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhu cầu nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trên địa bàn tỉnh, trong và ngoài nước. Khắc phục một cách cơ bản tình trạng manh mún thể hiện qua việc nhiều cơ sở đào tạo cùng đào tạo một số cấp học và ngành nghề tương tự. Đẩy mạnh hình thức đào tạo liên thông, liên kết giữa các trường trong tỉnh với các trường đại học, cao đẳng ngoài tỉnh. Trước mắt đầu tư nâng cấp trường Trung học y tế lên Cao Đẳng y tế, sáp nhập trường Dạy nghề thuộc Sở Lao Động - Thương Binh Xã Hội vào trường Trung học Kinh tế - kĩ thuật hình thành Cao Đẳng Công Đồng, tạo những tiền đề cần thiết để thành lập trường đại học đa ngành, đa cấp, đa hệ vào năm 2012.

3.2. Sắp xếp lại các ngành nghề cần đào tạo theo dự báo nhu cầu nhân lực đến năm 2020. Trước mắt cần tập trung những ngành nghề mũi nhọn có triển vọng tăng tốc, phát triển kinh tế phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp và dịch vụ như: chế biến thủy sản, khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, cơ khí, điện tử, đóng - sửa chữa tàu biển, sản xuất nước khoáng, nước giải khát, chế biến lâm sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, dệt may, giày dép, dịch vụ du lịch (quản lí, hướng dẫn viên, kế toán, nhà hàng, khách sạn...), dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ thú y, dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ vận tải...

3.3 Về đội ngũ giảng viên, tăng cường số lượng giảng viên cơ hữu, đảm bảo tỉ lệ giảng viên / sinh viên là 20-25 GV / SV, nâng tỉ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ lên 40% vào năm 2010, 100% giáo viên trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề có trình độ sư phạm bậc I hoặc được bồi dưỡng sư phạm bậc I vào năm 2010, 50% giáo viên dạy nghề được bồi dưỡng công nghệ mới. Có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng giảng viên các ngành nghề phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ.

3.4 Về cơ sở vật chất, từ nay đến năm 2010, giữ nguyên cơ sở vật chất trường lớp diện tích mặt bằng tại các cơ sở đào tạo, tăng cường thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng lab, phòng đa năng, trang thiết bị, phương tiện

giảng dạy. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đầu tư xây dựng khu Đại học Bình Thuận với quy mô 25 ha, có khả năng đào tạo hàng năm 3.000-4.000 sinh viên các ngành nghề phục vụ nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ.

Nhìn chung, Bình Thuận là một địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một nền kinh tế phong phú đa dạng, đặc biệt công nghiệp và dịch vụ có nhiều cơ hội để thu hút đầu tư và hợp tác phát triển với nhiều đối tác trong và ngoài nước. Muốn vậy cần tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, một trong những giải pháp có tính đột phá đó là phải quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), Văn Kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đường (2005), *Thực trạng và giải pháp đào tạo lao động kĩ thuật (từ sơ cấp đến trên đại học) đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, chương trình KX 05
3. Nguyễn Minh Đường- Phan văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Đặng Thị Thanh Huyền (2001), *Giáo dục phổ thông với phát triển chất lượng nguồn nhân lực*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Phan văn Kha (2006), *Các giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng nhân lực có trình độ trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam*, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội
6. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội .
7. Nguyễn Quốc Tế (2003), *Vấn đề phân bổ, sử dụng nguồn lao động theo vùng và hướng giải quyết việc làm ở Việt nam trong giai đoạn hiện nay*, NXB Thống Kê.
8. Trần Văn Tùng (2005), *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng - kinh nghiệm của thế giới*, NXB Thế giới, Hà Nội.

SUMMARY

The article presents the present situation, orientations and solutions of planning human resource development up to the year 2020 in Binh Thuan Province.